

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2024/DS - ST**  
Ngày 26- 4- 2024  
V/v tranh chấp “*Hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phê.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ;
2. Bà Phạm Thu Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2024 Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST –DS ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lý D, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Số 190A ấp TPN, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Số 44B4 tổ 9, Khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

*Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 179D ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lý Ngô Ngọc T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 179C ấp BT, xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2000. Địa chỉ: 55-57 Nguyễn Văn Giai, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Ông Trần Minh T- Luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Hồng S - Luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, ông S vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Ông Lý D và ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T có ký kết các hợp đồng vay tài sản như sau:

- Hợp đồng vay thứ 1, ngày 28/11/2019 với số tiền vay 1.200.000.000đồng, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi là bao nhiêu %. Thời hạn vay hợp đồng là 05 năm từ ngày 28/11/2019 đến ngày 28/11/2024.

- Hợp đồng vay thứ 2, ngày 31/5/2021 với số tiền 800.000.000đồng, lãi suất vay do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi là bao nhiêu %. Thời hạn vay hợp đồng là 05 năm từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/6/2026.

- Hợp đồng vay thứ 3, ngày 11/7/2022 ông Lý D có ký hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T với số tiền vay là 1.000.000.000đồng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%. Thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/7/2024.

Đối với hợp đồng vay thứ 1 và thứ 2 nêu trên ông V có trả lãi cho ông D nhưng với số tiền bao nhiêu thì ông D không nhớ; Đối với hợp đồng vay thứ 3 thì ông V và bà T không có trả lãi cho ông D. Từ ngày ký kết 03 hợp đồng vay nêu trên thì ông V, bà T không có trả tiền nợ gốc cho ông D.

Hợp đồng ký kết ngày 28/11/2019 và ngày 31/5/2021 là do cá nhân ông V ký kết với ông D và ông V cam kết trong hợp đồng sử dụng số tiền vay này vì mục đích cá nhân riêng của ông V, ông V cam kết sử dụng các tài sản riêng của ông V để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên khi đến hạn. Tuy nhiên số tiền vay ông V đem về vợ chồng sử dụng chung trong gia đình nên bà T cũng biết và có trách nhiệm cùng liên đới với ông V để trả nợ cho ông D.

Mặc dù 03 hợp đồng vay nêu trên chưa đến hạn trả nợ nhưng do ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ không trả lãi cho ông D như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp, ông D có quyền khởi kiện yêu cầu ông V, bà T giao trả toàn bộ số vốn vay và nợ lãi.

Bị đơn cho rằng đối với Hợp đồng vay ngày 28/11/2019, mỗi tháng ông V đưa cho ông D số tiền cả gốc cả lãi là khoảng 50.000.000 đồng, tính đến ngày 31/5/2021 ông V đã trả cho ông D số tiền là khoảng hơn 900.000.000 đồng và Hợp đồng vay ngày 31/5/2021, mỗi tháng ông V đều đưa cho ông D khoảng 80.000.000 đồng tiền nợ gốc lãi của cả hai hợp đồng, tính từ ngày 31/6/2021 đến ngày 31/8/2022 ông V đã đưa cho ông D là khoảng hơn 1.120.000.000 đồng. Việc trả các khoản tiền hàng tháng, ông V thực hiện thông qua ông Lý P bằng hình thức tiền mặt, lần chuyển khoản chung với các khoản tiền làm ăn khác của ông Lý P (là con của ông Lý D) thì việc này không có, ông Lý D, ông Lý P không có nhận khoảng tiền này.

Tại phiên tòa ông được ông Lý D ủy quyền yêu cầu ông V, bà T liên đới trả số tiền vay gốc là 3.000.000.000đồng và tiền lãi tính ngày 31/8/2022 đến khi Tòa xét xử sơ thẩm ngày 26/4/2024 là 19 tháng, với mức lãi suất là 1,5%/tháng, với số tiền 855.000.000 đồng.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành V trình bày:***

Từ năm 2019 đến năm 2021, ông V đã đứng ra vay của ông Lý D 02 (hai) lần với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) cụ thể:

- Khoản vay cá nhân thứ nhất là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 công chứng số 5747 Quyền số 08/2019 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương (‘Hợp đồng vay 28/11/2019), thời hạn vay là 05 năm, về lãi suất không có thoả thuận trong hợp đồng, số nợ gốc bên vay có thể trả dần cho đến khi hết số tiền đã vay.

- Khoản vay cá nhân thứ hai là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 công chứng số 2376 Quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương (Hợp đồng vay 31/5/2021), thời hạn vay là 05 năm, về lãi suất không có thoả thuận trong hợp đồng, số nợ gốc bên vay có thể trả dần cho đến khi hết số tiền đã vay.

Liên quan đến 02 khoản vay này, ông V đã cho ông D biết và có cam kết trong Hợp đồng là ông V cam kết sử dụng số tiền vay này vì mục đích cá nhân riêng của ông V. Ông V cũng cam kết sử dụng các tài sản riêng của ông V để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên khi đến hạn.

Thực hiện 02 Hợp đồng vay nêu trên, các bên không có thoả thuận cụ thể nào về số tiền trả hàng tháng là bao nhiêu, cũng không có mức lãi suất 1.5%/tháng như nguyên đơn đã trình bày. Các bên chỉ có thoả thuận miệng rằng mỗi tháng ông V sẽ trả cho ông D một số tiền cả gốc lẫn lãi, trả được bao nhiêu thì trả cho đến khi trả xong số tiền vay. Theo đó, đối với 02 hợp đồng vay này, ông V đã trả cho ông D số tiền như sau:

Đối với Hợp đồng vay ngày 28/11/2019, với số tiền gốc 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mỗi tháng ông V đưa cho ông D số tiền cả gốc cả lãi là khoảng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), tính đến ngày 31/5/2021 ông V đã trả cho ông D số tiền là khoảng hơn 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

Đến Hợp đồng vay ngày 31/5/2021, ông V vay thêm của ông D 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), tổng 02 khoản vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Theo đó, mỗi tháng ông V đều đưa cho ông D khoảng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc lãi của cả hai hợp đồng. Tổng số tiền từ ngày 31/6/2021 đến ngày 31/8/2022 ông V đã đưa cho ông D là khoảng hơn 1.120.000.000 (Một tỷ một trăm hai mươi triệu).

Việc trả các khoản tiền hàng tháng, ông V thực hiện thông qua ông Lý P bằng hình thức tiền mặt, lần chuyển khoản chung với các khoản tiền làm ăn khác của ông Lý P (là con của ông Lý D).

Tính đến tháng 8/2022 (chưa hết 05 năm đối với mỗi khoản vay), do kinh tế khó khăn, cộng với việc nhận thấy số tiền mình đã chuyển cho ông D là khoảng hơn 2.020.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) - nhiều hơn số tiền đã vay là 2.000.000.000 đồng nên ông V không đóng nữa. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T phải liên đới trả cả gốc lẫn lãi liên quan đến số tiền này, đồng thời xác định mức lãi suất là 1.5%/tháng

thì ông V hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này, bởi:

Đây là 02 khoản vay cá nhân của ông V có cam kết trong các Hợp đồng vay như đã trình bày ở trên.

Nguyên đơn cho rằng ông V có thoả thuận với nguyên đơn mức lãi 1.5%/tháng là không đúng, nguyên đơn cũng không nộp bất kỳ chứng cứ chứng minh cho việc thoả thuận lãi này trong hồ sơ khởi kiện.

Do có nhu cầu cần vốn làm ăn chung nên ông V và bà Lý Ngô Ngọc T đã thoả thuận với ông Lý D về việc vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) – Theo Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng được công chứng số 1632/HĐV quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Đồng Khởi, tỉnh Bến Tre (Hợp đồng vay 11/7/2022). Thời hạn vay: 02 năm (Từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/7/2024). Tiền gốc thanh toán vào thời điểm cuối hợp đồng. Lãi suất: 1.5%/tháng. Đối với khoản vay này, ông V xác nhận đây là khoản vay chung của ông V và bà Lý Ngô Ngọc T, có thoả thuận lãi suất 1.5%/tháng trong Hợp đồng vay, ông V và bà T có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc lẫn lãi cho ông Lý D. Tuy nhiên, liên quan đến khoản vay này hai bên có thoả thuận việc trả tiền gốc vào ngày 11/7/2024 trong hợp đồng. Hiện nay chưa đến thời hạn trả nợ gốc nên ông Lý D không đủ điều kiện khởi kiện để yêu cầu ông V thanh toán khoản tiền vay này.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Lý D thì ông V không đồng ý đề nghị Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lý Ngô Ngọc T trình bày:***

- Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 công chứng số 5747 Quyền số 08/2019 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương (Hợp đồng vay 28/11/2019) với số tiền vay là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) – Đứng tên bên vay: Ông Nguyễn Thành V;

-Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 công chứng số 2376 Quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương (Hợp đồng vay 31/5/2021) với số tiền vay là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) – Đứng tên bên vay: Ông Nguyễn Thành V;

- Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng được công chứng số 1632/HĐV quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Đồng Khởi, tỉnh Bến Tre (Hợp đồng vay 11/7/2022) nên trên với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*).

Bà T không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu bà T liên đới chịu trách nhiệm trả các khoản vay cả gốc lẫn lãi liên quan đến Hợp đồng vay 28/11/2019 và Hợp đồng vay 31/5/2021 vì thực tế bà T hoàn toàn không hề biết các khoản vay này của ông V với ông Lý D. Sau khi biết được ông Lý D khởi kiện, ông V đã thừa nhận với bà T rằng có vay của ông Lý D nhưng đã trả hết. Việc ông V không cho bà T hay biết là vì đây là khoản vay cá nhân của ông V. Ngoài ra, bà T xin khẳng định là bà T không biết gì về các khoản vay này. Do đó, bà T không đồng ý với yêu cầu

khởi kiện này của ông Lý D liên quan đến Hợp đồng vay 28/11/2019 và Hợp đồng vay 31/5/2021.

Liên quan đến Hợp đồng vay ngày 11/7/2022 với số tiền 1.000.000.000 đồng. Do cần tiền làm ăn bà T và ông V có vay số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) của ông Lý D với các nội dung như sau: Thời hạn vay: 02 năm (Từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/7/2024). Tiền gốc thanh toán vào thời điểm cuối hợp đồng. Lãi suất: 1.5%/ tháng. Đối với khoản vay này, bà T xác nhận đây là khoản vay chung của bà T và ông Nguyễn Thành V, có thỏa thuận lãi suất 1.5%/tháng. Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng vay đã ký kết, các bên thỏa thuận việc trả tiền gốc sẽ được thực vào ngày 11/7/2024. Do đó, hiện nay chưa đến thời hạn trả nợ gốc nên ông Lý D không đủ điều kiện khởi kiện để yêu cầu bà T thanh toán khoản tiền vay này.

**Tại bản tự khai ngày 12/3/20224 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/3/2024 người làm chứng ông Lý P trình bày:** Ông là con ruột của ông Lý D; việc vay tiền giữa ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T với ông Lý D thì ông hoàn toàn không biết, không liên quan. Số tiền ông V chuyển khoản cho ông theo bảng sao kê ông V cung cấp là tiền ông V nợ ông và vụ việc giữa ông và ông V đã được Tòa án giải quyết bằng một bản án. Ông V cho rằng mỗi tháng có gửi cho ông số tiền 50.000.000 đồng là hoàn toàn không có.

Do ông không liên quan đến việc vay tiền giữa ông V, bà T với ông Lý D nên ông Xin được vắng mặt trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T có đăng ký thường tại xã BP, thành BT, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Lý D yêu cầu ông V, bà T liên đới trả số tiền vay gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi tính ngày 31/8/2022 đến khi Tòa xét xử sơ thẩm ngày 11/4/2024 là 19 tháng 26 ngày, với mức lãi suất là 1,5%/tháng, với số tiền 855.000.000 đồng.

[3.1] Xét thấy Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 công chứng số 5747 Quyền số 08/2019 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương; Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 công chứng số 2376 Quyền số 03/2021 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Kim Cương; Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng ngày 11/7/2022 được công chứng số 1632/HĐV quyền số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD của Phòng Công chứng Đồng Khởi, tỉnh Bến Tre. Tất cả ba hợp đồng

đều được công chứng chứng thực theo quy định pháp luật và được nguyên đơn, bị đơn thừa nhận nên thuộc tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 thể hiện phương thức thanh toán tiền lãi hàng tháng vào ngày 28 tây hàng tháng; gốc bên vay trả dần cho đến khi hết tiền vay...; Tại Điều 1 Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 thể hiện phương thức thanh toán tiền lãi hàng tháng vào ngày 01 tây hàng tháng; nợ gốc bên vay trả dần cho đến khi hết tiền vay... Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền Việt Nam đồng ngày 11/7/2022 thể hiện phương thức thanh toán tiền lãi hàng tháng vào ngày 01 tây DL hàng tháng và nợ gốc thanh toán vào thời điểm cuối hợp đồng...; nguyên đơn, bị đơn thống nhất từ ngày 31/8/2022 cho đến nay bị đơn không trả lãi và nợ gốc cho nguyên đơn. Do đó có cơ sở xác định bị đơn vi hợp đồng nên nguyên đơn ông Lý D khởi kiện bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu của ông Lý D về việc yêu cầu ông V, bà T liên đới trả số tiền vay gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 và Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 là 2.000.000.000đồng. Xét thấy: Căn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 và Điều 2 của Hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 thì ông D đã biết ông D cho cá nhân ông V vay và ông D cũng biết ông V cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân riêng của ông V; ông V cũng cam kết sử dụng các tài sản riêng của ông V để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên khi đến hạn thì ông D cũng đồng ý nên đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông D và ông V, khoản vay của hai hợp đồng này là trách nhiệm của ông V nên cần buộc ông V có trách nhiệm giao trả cho ông D số tiền 2.000.000.000đồng là phù hợp. Đối với yêu cầu buộc ông V, bà T có trách nhiệm liên đới giao trả cho ông D số tiền 2.000.000.000đồng là không phù hợp nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2019 và hợp đồng vay tiền ngày 31/5/2021 có số nợ gốc là 2.000.000.000đồng, nội dung hai hợp đồng không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự buộc ông V phải cho ông D với lãi suất 0,83%/tháng x 19 tháng 26 ngày x 2.000.000.000 đồng = 329.786.666 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của ông Lý D về việc yêu cầu ông V, bà T liên đới trả số tiền vay gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 11/7/2022 là 1.000.000.000đồng do hợp đồng này được các bên thừa nhận, do ông V, bà T vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng

nên ông D yêu cầu ông V, bà T giao trả số tiền vốn vay là 1.000.000.000đồng, nợ lãi là 298.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng x 1,5% x 19 tháng 26 ngày) là phù hợp nên được chấp nhận.

Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ông V có trả cho ông D nhiều lần với số tiền hơn 2.020.000.000 đồng nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng không được bị đơn và người làm chứng là ông Lý P thừa nhận; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn cũng không có yêu giải quyết số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Ông Nguyễn Thành V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 72.000.000 đồng + 2% x 329.786.666 đồng = 78.595.733 đồng.

Ông Nguyễn Thành V bà Lý Ngô Ngọc T phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 36.000.000 đồng + 3% x 498.000.000 đồng = 50.940.000 đồng.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.  
Vi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý D.

Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T có trách nhiệm liên đới giao trả cho ông Lý D số tiền 1. 298.000.000 đồng (một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu) đồng, trong đó vốn vay là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, nợ lãi 298.000.000 (Hai trăm chín mươi tám triệu) đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành V có trách nhiệm giao trả cho ông Lý D số tiền 2.329.786.666 (hai tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó vốn vay là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, nợ lãi =329.786.666 (Ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lý D về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T có trách nhiệm liên đới giao trả cho ông Lý D số 2.329.786.666 (Hai tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng, trong đó vốn vay là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, nợ lãi =329.786.666 (Ba trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Thành V phải nộp án 78.595.733 (Bảy mươi tám triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm ba mươi ba) đồng.

Ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T phải liên đới nộp 50.940.000 (Năm mươi triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục T.H.A DS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Phê**





